

## CÁC GIẢI PHÁP XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO CHO NGƯỜI DÂN VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA TAM ĐẢO KHU VỰC THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thị Gấm

*Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - ĐH Thái Nguyên*

### TÓM TẮT

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là nhằm nâng cao điều kiện sống của các hộ sống trong khu vực vùng đệm Vườn rừng Quốc gia Tam Đảo thông qua việc xác định các phương thức kiếm sống mới, lập kế hoạch sử dụng nguồn tài nguyên hiện có để tăng thu nhập của hộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác nhau giữa các hộ tham gia dự án và không tham gia dự án về thu nhập từ chè, lúa, chăn nuôi và các hoạt động phi nông nghiệp khác. Các hộ tham gia vào dự án có thu nhập cao hơn các hộ không tham gia dự án. Lý do là ở chỗ nhờ có các hoạt động đào tạo và hỗ trợ vốn từ dự án, năng suất và sản lượng lúa và chè của các hộ này cao hơn. Bên cạnh đó, nhận thức về tầm quan trọng của rừng đối với cuộc sống của họ và các thể hệ sau này tăng lên rõ rệt. Dựa trên kết quả nghiên cứu này, một số các kiến nghị đã được đề xuất.

**Từ khoá:** *Vùng đệm, Vườn Quốc gia Tam Đảo, Thái Nguyên, xoá đói giảm nghèo.*

### MỞ ĐẦU

Vườn Quốc gia Tam Đảo được thành lập tháng 3/1996 với tổng diện tích khoảng 36.900 ha, là một trong những rừng Quốc gia lớn nhất ở Việt Nam và là vùng tự nhiên cuối cùng ở sát Hà Nội chưa bị chuyển thành đất sử dụng cho nông nghiệp và du lịch. Rừng Quốc gia Tam Đảo được biết đến với hệ sinh thái rất phong phú và đa dạng cả về số lượng và chủng loại động thực vật. Song việc khai thác tràn lan rừng quốc gia trong thời gian qua và công tác quản lý chưa hiệu quả đã làm xói và suy kiệt các nguồn lực rừng quốc gia. Có khoảng 200.000 người dân sinh sống trong khu vực xung quanh Vườn Quốc gia Tam Đảo, với phần lớn thu nhập tạo từ hoạt động nông nghiệp. Họ vẫn sử dụng Vườn Quốc gia Tam Đảo như một nguồn cung cấp thực phẩm, chất đốt, cây thuốc, nước uống, nước tưới tiêu và nơi chăn thả gia súc, gia cầm. Trước tình hình đó, dự án 6 năm (2003 – 2009) về Quản lý Vườn rừng Quốc gia và

vùng đệm Tam Đảo đã được xây dựng với sự hỗ trợ của Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và ba tỉnh nằm trong vùng đệm bao gồm Vĩnh Phúc, Thái Nguyên và Tuyên Quang. Dự án nhằm mục đích hỗ trợ và phát triển các sáng kiến phương kế sinh nhai khác nhau cũng như các hoạt động giáo dục và nâng cao ý thức trong cộng đồng, cùng với các mục tiêu xoá đói giảm đói nghèo, quản lý và bảo vệ môi trường vườn Quốc gia Tam Đảo bền vững. Với mục đích đó, chúng tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu “**Các giải pháp xoá đói giảm nghèo cho người dân vùng đệm Vườn Quốc gia Tam Đảo khu vực Thái Nguyên**”.

### MỤC ĐÍCH, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mục đích của nghiên cứu nhằm đề xuất các giải pháp xoá đói giảm nghèo cho người dân khu vực vùng đệm Vườn quốc gia Tam Đảo, từ đó nâng cao đời sống của người dân trong khu vực nói riêng và hướng tới sự phát triển bền vững trong khu vực Vườn Quốc gia cũng

\* Nguyễn Thị Gấm, Tel:

như các vùng đệm khác và giải quyết các vấn đề chính về bảo tồn môi trường thiên nhiên nói chung. Nội dung chính của nghiên cứu là so sánh tác động của dự án tới thu nhập của hai nhóm hộ có và không tham gia dự án.

**Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp:** Số liệu sơ cấp được thu thập từ phỏng vấn các chủ hộ. Mẫu điều tra được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên với 150 hộ (Cát Nê 52 hộ, Văn Yên 48 và Ký Phú 50) và 48 hộ không tham gia dự án tại các xã nghiên cứu.

**Cơ sở chọn mẫu điều tra:** Sau khi khảo sát kỹ lưỡng địa bàn nghiên cứu, chúng tôi quyết định lựa chọn 03 xã tiêu biểu có thể đại diện được cho tất cả các xã của Huyện Đại Từ: Xã Cát Nê đại diện cho các xã vùng sâu vùng xa, Văn Yên - vùng giữa và xã Ký Phú đại diện cho các xã gần với khu vực thị trấn Đại Từ.

**Phương pháp xử lý thông tin:** Phần mềm thống kê SPSS 15 được sử dụng để phân tích sự tương quan giữa các chỉ tiêu và kiểm định kết quả nghiên cứu.

**KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

Mục tiêu của dự án là góp phần cải thiện điều kiện sống của hộ gia đình thông qua việc tìm kiếm những sinh kế mới, lập kế hoạch sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có của hộ nhằm nâng cao thu nhập cho hộ. Phần này sẽ phân tích thu nhập của hộ gia đình cả về khía cạnh số lượng cũng như nguồn thu nhập để tạo ra một mức chuẩn cho đánh giá tác động của dự án trong tương lai. Thông qua phân tích số liệu định lượng, các yếu tố chính mang lại thu nhập cho nhóm hộ được đề cập tới.

**Bảng 1.** Thu nhập trung bình 2008 của hai nhóm hộ

*DVT: đồng/năm*

| Chỉ tiêu thu nhập | Giá trị bình quân | Độ lệch chuẩn |
|-------------------|-------------------|---------------|
| Thuộc dự án       | 14.193.280        | 10.225.005    |
| Không thuộc       | 10.604.580        | 7.238.143     |

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra 2008*

Kiểm định *Mann-Whitney Test* cho giá trị  $Z = -2,06$  và giá trị  $p\text{-value} = 0,04$ . Như vậy, có thể khẳng định thu nhập giữa hai nhóm hộ tham gia và không tham gia dự án có sự khác biệt, cụ thể là thu nhập trung bình từ nhóm hộ tham gia dự án là 14.193.280 đồng/năm cao

hơn rất nhiều so với mức thu nhập là 10.604.580 đồng/năm của nhóm hộ không tham gia dự án.

Kết quả gia tăng thu nhập của các hộ thuộc nhóm tham gia dự án đã thể hiện sự thành công của dự án và đã đạt được mục tiêu là góp phần cải thiện điều kiện sống của các hộ gia đình thông qua việc tìm kiếm những sinh kế nhằm nâng cao thu nhập.

Để phân tích chi tiết các nguồn thu trong cơ cấu thu nhập của hộ, chúng tôi phân tổ thống kê theo các tiêu chí như thu nhập từ nhóm cây hàng năm, cây chè, chăn nuôi, thu nhập từ rừng và các hoạt động phi nông nghiệp để thấy được với cùng nguồn lực như nhau nhưng có thể có kết quả khác nhau giữa hai nhóm hộ trên.

**Nguồn thu từ nhóm cây hàng năm**

*a/ Thu nhập từ cây lúa nước*

Thu nhập trung bình từ cây lúa nước của hộ tham gia dự án là 4.158.520 đồng và thu nhập của nhóm hộ không tham gia dự án là 2.780.310 đồng.

- Kết quả kiểm định *Mann-Whitney Test* cho giá trị

$Z = -2,357$  với  $p\text{-value} = 0,018$ , có cơ sở để khẳng định có sự khác biệt về thu nhập từ cây lúa giữa hai nhóm hộ, cụ thể là thu từ lúa nước của nhóm hộ tham gia cao hơn nhóm hộ không tham gia dự án.

**Bảng 2.** Thu nhập bình quân từ nhóm cây hàng năm

*DVT: đồng/năm*

| Chỉ tiêu | Nhóm hộ tham gia dự án |               | Nhóm hộ không tham gia dự án |               |
|----------|------------------------|---------------|------------------------------|---------------|
|          | Thu nhập bình quân     | Độ lệch chuẩn | Thu nhập bình quân           | Độ lệch chuẩn |
| Lúa nước | 4.158.520              | 3.331.527     | 2.780.310                    | 2.165.412     |
| Hoa màu  | 194.560                | 619.879       | 562.440                      | 1.140.597     |

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra 2008*

Diện tích canh tác cây lúa nước trung bình của hộ tham gia dự án là 2.061,87m<sup>2</sup> tương đương với 5,73 sào Bắc bộ và diện tích canh

tác cây lúa nước trung bình của nhóm hộ không tham gia dự án là 1.964,17m<sup>2</sup> tương đương với 5,46 sào Bắc bộ. Kiểm định T-Test đối với hai giá trị trung bình về diện tích canh tác cây lúa nước giữa hai nhóm hộ gian thông qua sử dụng phần mềm SPSS ta có nhận xét không có sự khác biệt về diện tích canh tác cây lúa nước giữa hai nhóm có và không tham gia dự án. (t= 2,55 và p-value = 0,581). Điều đó cho thấy thu nhập từ cây lúa nước của nhóm hộ tham gia dự án cao hơn so với nhóm hộ không tham gia dự án không phải nguyên nhân do nhóm hộ tham gia dự án có nhiều ruộng đất hơn mà do có sự khác biệt về trình độ thâm canh cây lúa cũng như khả năng đầu tư về giống mới, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Kết luận trên khẳng định rõ hiệu quả của dự án đối với việc tăng thu nhập thông qua các lớp huấn luyện về khuyến nông, trợ giúp vốn vay để hộ có điều kiện mua giống lúa mới, có vốn đầu tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và kết quả làm tăng năng suất cây lúa cho nhóm hộ tham gia dự án.

*b/ Thu nhập từ hoa màu*

Các cây hoa màu chính trong phạm vi nghiên cứu bao gồm: ngô, khoai lang, khoai tây, sắn, đỗ tương, lạc.

Thu nhập trung bình từ hoa màu của nhóm hộ tham gia dự án là 194.560 đồng và thu nhập của nhóm hộ không tham gia dự án là 562.440 đồng. Giá trị kiểm định Mann Whitney Test cho ta các giá trị Z = -2,88 với giá trị p-value = 0,004, có cơ sở để khẳng định có sự khác biệt về thu từ hoa màu giữa hai nhóm hộ. Thu từ cây hoa màu của nhóm tham gia dự án là thấp hơn so với các nhóm không tham gia dự án. Lý do giải thích ở đây là cơ cấu thu từ hoa màu rất nhỏ, các hộ trong dự án đã tập trung hầu hết các nguồn lực của mình vào việc thâm canh cây lúa, trồng chè nên không có đủ thời gian, lao động để trồng màu.

**Thu nhập từ cây chè**

**Bảng 3.** Thu nhập bình quân từ chè của hai nhóm hộ

*DVT: đồng/năm*

| Chỉ tiêu thu nhập | Giá trị bình quân | Độ lệch chuẩn |
|-------------------|-------------------|---------------|
| Tham gia dự án    | 3.703.540         | 7.271.671     |

|                |           |           |
|----------------|-----------|-----------|
| Không tham gia | 1.254.900 | 3.928.198 |
|----------------|-----------|-----------|

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra 2008*

Kết quả kiểm định Mann-Whitney Test đối với thu nhập trung bình từ cây chè giữa hai nhóm hộ như sau: Giá trị kiểm định Z = -3,18 với p-value = 0,001, có thể khẳng định có sự khác biệt trong thu nhập từ chè giữa hai nhóm hộ ở mức xác suất 99% . Thu nhập trung bình từ cây chè của nhóm tham gia dự án là cao hơn rất nhiều so với nhóm không tham gia dự án. Sự khác biệt này là nhờ tác động của các hoạt động hỗ trợ từ dự án như hỗ trợ kỹ thuật trồng trọt, chăm sóc và thu hoạch chè cành giống mới giúp các hộ có năng suất và chất lượng chè sạch cao hơn rất nhiều so với trước đây, giá bán đầu ra cao đã tăng thu nhập cho các hộ tham gia dự án. Ngoài ra, các hộ này còn được cung cấp miễn phí cây chè cành giống mới, hỗ trợ các hộ cải tạo nương chè già không có thu hoạch, đầu tư bép sao chè cải tiến để giảm bớt thời gian sao chế và tăng chất lượng chè. Điều này cho thấy dự án tập trung cho cây chè là hướng đi đúng đắn nhằm tăng thu nhập cho nhóm hộ tham gia dự án. Từ đó, các hộ khác ngoài dự án có thể học tập và làm theo.

**Thu từ chăn nuôi**

**Bảng 4.** Các nguồn thu từ chăn nuôi của hai nhóm hộ

*DVT: đồng/năm*

| Chăn nuôi | Tham gia dự án     |               | Không tham gia     |               |
|-----------|--------------------|---------------|--------------------|---------------|
|           | Thu nhập bình quân | Độ lệch chuẩn | Thu nhập bình quân | Độ lệch chuẩn |
| Lợn       | 749.890            | 2.591.664     | 1.710.790          | 2.591.568     |
| Gia súc   | 368.600            | 1.442.133     | 277.080            | 903.949       |
| Gia cầm   | 252.450            | 2.578.692     | 198.230            | 461.738       |
| Tổng      | 1370.940           | 3.176.204     | 2.186.100          | 2.783.312     |

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2008*

**Đối với kết quả chăn nuôi chung:** Thu nhập trung bình từ chăn nuôi của nhóm hộ tham gia dự án là 1.370.940 đồng/năm và thu nhập của

nhóm hộ không tham gia dự án là 2.186.100 đồng/năm.

Kiểm định Mann-Whitney có giá trị  $Z = -2,158$  với giá trị  $p\text{-value} = 0,031$ , đủ cơ sở để kết luận có sự khác biệt trong thu nhập từ ngành chăn nuôi giữa hai nhóm hộ có và không tham gia dự án, cụ thể nhóm hộ không tham gia dự án thu nhập từ ngành chăn nuôi cao hơn so với nhóm hộ tham gia dự án. Sau đây là phân tích chi tiết đối với ngành chăn nuôi để thấy rõ sự khác biệt nằm ở đâu.

a/ *Đối với chăn nuôi lợn*: Thu nhập trung bình từ chăn nuôi lợn của nhóm hộ tham gia dự án là 749.890 đồng và thu nhập của nhóm hộ không tham gia dự án là 1.710.790.

Kiểm định Mann-Whitney có giá trị  $Z = -3,857$  với giá trị  $p\text{-value} = 0,001$ , đủ cơ sở kết luận có sự khác biệt trong thu nhập từ chăn nuôi lợn giữa hai nhóm hộ, cụ thể thu nhập từ chăn nuôi lợn của nhóm hộ không tham gia dự án cao hơn nhóm hộ tham gia dự án ở mức xác suất 99%. Đối với chăn nuôi lợn, dự án đã đầu tư con giống cho các hộ tham gia dự án. Song do không có kinh nghiệm chăn nuôi cũng như không có vốn để đầu tư cho thức ăn, chăm sóc thú y, giá thức ăn tăng cao nên hiệu quả thu được từ hoạt động chăn nuôi lợn không tốt. Trong khi đó, các hộ không tham gia dự án lại có được nguồn thu nhập khá lớn từ các hoạt động chăn nuôi lợn. Kết quả đó cần được khuyến khích phát huy vì các hoạt động chăn nuôi lợn một mặt đem lại thu nhập cho hộ, mặt khác nó là mô hình tốt cho các hộ tham gia dự án học tập và làm theo để gia tăng thu nhập.

b/ *Đối với thu từ chăn nuôi trâu, bò*

Thu nhập trung bình từ chăn nuôi trâu, bò của nhóm hộ tham gia dự án là 368.600 đồng/năm và thu nhập trung bình của nhóm hộ không tham gia dự án là 277.080 đồng/năm. Kiểm định Mann-Whitney cho giá trị  $Z = -0,54$  với  $p\text{-value} = 0,586$ , không có ý nghĩa thống kê ở mức xác suất 95%. Nên không có cơ sở kết luận có sự khác biệt trong thu nhập từ chăn nuôi trâu, bò của hai nhóm hộ.

c/ *Đối với thu từ chăn nuôi gia cầm*

Thu nhập trung bình từ chăn nuôi gia cầm của nhóm hộ tham gia dự án là 252.450 đồng và

thu nhập của nhóm hộ không tham gia dự án là 461.738 đồng. Giá trị kiểm định Mann-Whitney:  $Z = -1,707$  và giá trị  $p\text{-value} = 0,09$ , không có ý nghĩa thống kê ở mức xác suất 95% nên không có cơ sở kết luận thu nhập từ chăn nuôi gia cầm có sự khác biệt trong thu nhập từ chăn nuôi trâu, bò của hai nhóm hộ.

### Đối với thu nhập từ rừng

Thu nhập trung bình từ rừng của hộ tham gia dự án là 1.092.430 đồng và thu nhập của nhóm hộ không tham gia dự án là 2.050.000 đồng. Về mặt số học ta nhận thấy có sự khác biệt giữa thu nhập giữa hai nhóm hộ.

**Bảng 5.** Thu nhập từ rừng của hai nhóm hộ

*DVT: đồng/năm*

| Chỉ tiêu       | Giá trị bình quân | Độ lệch chuẩn |
|----------------|-------------------|---------------|
| Tham gia dự án | 1.092.430         | 1.729.870     |
| Không tham gia | 2.050.000         | 1.425.303     |

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra 2008*

Kết quả kiểm định Mann-Whitney Test cho các giá trị  $Z = -4,65$  với  $p\text{-value} = 0,001$ , có cơ sở để khẳng định các hộ không tham gia dự án có thu nhập từ rừng lớn hơn các hộ tham gia dự án ở mức xác suất 99%. Kết quả trên hoàn toàn phù hợp với kết quả thảo luận và thực tế tại địa bàn bởi các hộ tham gia dự án đều đầu tư cho rừng nhiều hơn các hộ không tham gia dự án nên thu nhập từ rừng bị giảm. Thêm vào đó, ở thời điểm điều tra thì rừng trồng của các hộ tham gia dự án mới ở độ tuổi thứ 3 nên chưa khai thác được gì nhiều ngoài củi đốt và lá cây khô.

### Thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp

**Bảng 6.** Thu từ hoạt động phi nông nghiệp

*DVT: đồng/năm*

| Chỉ tiêu       | Giá trị bình quân | Độ lệch chuẩn |
|----------------|-------------------|---------------|
| Tham gia dự án | 3.673.290         | 5.399.703     |
| Không tham gia | 1.770.830         | 3.793.834     |

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra 2008*

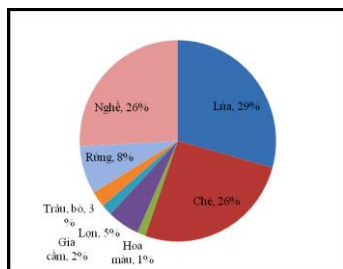
Thu nhập trung bình từ hoạt động phi nông nghiệp của nhóm hộ tham gia dự án là

3.673.290 đồng và của nhóm hộ không tham gia dự án là 1.770.830 đồng. Ta thấy mức thu nhập bình quân của nhóm tham gia dự án cao hơn rất nhiều so với nhóm hộ không tham gia dự án.

- Kiểm định Mann-Whitney có các giá trị  $Z = -2,08$  với  $p\text{-value} = 0,037$  có ý nghĩa thống kê ở mức xác suất 95%. Như vậy có sự khác biệt từ thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp giữa hai nhóm hộ trên. Hơn thế nữa tỷ lệ % số lượng hộ tham gia các hoạt động phi nông nghiệp thuộc nhóm hộ tham gia dự án cũng nhiều hơn rất nhiều so với nhóm không tham gia dự án.

### Cơ cấu các nguồn thu nhập của hộ

**Biểu 1.** Các nguồn thu hàng năm của nhóm hộ tham gia dự án

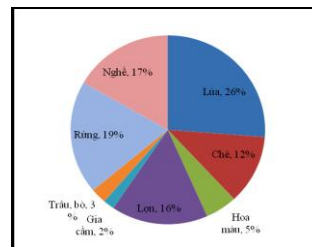


Cơ cấu nguồn thu hàng năm giữa hai nhóm hộ là rất khác biệt. Đối với nhóm hộ tham gia dự án, nguồn thu chính từ nông nghiệp là cây lúa chiếm 29%, đạt tỷ trọng cao nhất trong tổng thu nhập hàng năm của hộ. Tiếp đến là cây chè đóng góp 26% trong tổng thu nhập của hộ. Thu nhập từ chăn nuôi lợn chỉ chiếm 5% trong cơ cấu thu nhập. Chăn nuôi gia cầm, trâu, bò, hoa màu có mức đóng góp rất khiêm tốn trong khoảng 1% đến 3%. Một điều đáng khích lệ là các hoạt động phi nông nghiệp của nhóm hộ tham gia dự án có mức đóng góp cao như thu nhập từ cây chè. Các hoạt động phi nông nghiệp bao gồm: xây dựng, hàn xì, sơn nội thất, công nhân may, giáo viên...

Doanh thu từ rừng chiếm 8% trong tổng thu nhập trung bình của hộ tham gia dự án. Tỷ lệ này nhỏ hơn rất nhiều so với tỷ lệ đóng góp thu nhập từ rừng của nhóm hộ không tham gia dự án. Nguồn thu từ rừng chủ yếu là thu lượm củi đốt để phục vụ chính cho nhu cầu tiêu dùng của hộ. Các hộ không thể thu lượm

được củi đốt do không có rừng, không có lao động sẽ phải tăng thêm chi phí mua củi đốt.

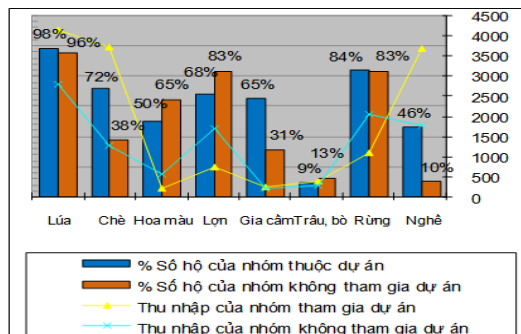
**Biểu 2.** Các nguồn thu hàng năm của nhóm hộ không tham gia dự án



Đối với các hộ không tham gia dự án, giá trị thu nhập từ cây lúa cũng giống như nhóm hộ tham gia dự án chiếm tỷ trọng cao nhất là 26% trong tổng thu nhập của hộ. Thu nhập từ cây chè chỉ chiếm tỷ lệ là 12% trong cơ cấu thu nhập và không bằng 1/2 so với cơ cấu thu nhập từ cây chè của nhóm hộ tham gia dự án. Thu nhập từ rừng chiếm tỷ lệ cao thứ 2 trong tổng thu nhập của hộ là 19% chỉ xếp sau cây lúa. Nguồn thu từ rừng vẫn chủ yếu là thu lượm củi đốt, lấy măng phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ của hộ. Thu nhập từ các nghề tự do chiếm 17% trong cơ cấu thu nhập của nhóm và cũng nhỏ hơn so với nhóm hộ tham gia dự án. Thu nhập từ chăn nuôi lợn chiếm tỷ lệ là 16%. Thu nhập từ trâu bò, hoa màu, gia cầm cũng chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ từ 2% đến 5% trong cơ cấu thu nhập của nhóm không tham gia dự án. Tóm lại, cơ cấu thu nhập giữa hai nhóm hộ điều tra có sự khác biệt khá lớn. Nhóm hộ tham gia dự án tập chung nhiều cho cây lúa, chè, nghề tự do. Nhóm hộ không tham gia dự án tập chung chủ yếu cho cây lúa, chăn nuôi lợn, nghề tự do, phát triển cây chè và khai thác các tài nguyên rừng. Tỷ lệ thu nhập từ rừng trong cơ cấu thu nhập của nhóm hộ không tham gia dự án cũng có mức đóng góp rất lớn và xếp thứ 2 về giá trị trong cơ cấu thu nhập. Điều đó có nghĩa rằng nhóm hộ không tham gia dự án vẫn sử dụng và khai thác tài nguyên rừng khá nhiều so với nhóm hộ tham gia dự án. Tuy các sản phẩm chủ yếu được các hộ thuộc cả hai nhóm khai thác là: củi đốt, cây luồng, cây tre, cây mai, nấm,

măng các loại....nhưng vẫn ảnh hưởng và suy kiệt các nguồn tài nguyên rừng.

**Biểu 3.** Sự tham gia và các nguồn thu nhập hàng năm từ nông nghiệp (Đơn vị tính: 1.000 VND)



Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra 2008

Qua biểu đồ 2 trên ta thấy cả hai nhóm hộ đều tập trung chính cho cây lúa. Doanh thu đem lại từ cây lúa cũng khá cao. Doanh thu từ cây lúa của nhóm hộ tham gia dự án cao hơn rất nhiều so với nhóm hộ không tham gia. Như vậy, khả năng thâm canh và tính hiệu quả từ các hoạt động trồng lúa của nhóm hộ tham gia dự án là rất tốt so với nhóm hộ không tham gia dự án. Đối với cây chè, số lượng hộ gia đình thuộc nhóm hộ tham gia dự án thâm canh là 72% nhiều hơn rất nhiều so với tỷ lệ 38% số hộ trồng chè thuộc nhóm không tham gia dự án và thu nhập từ cây chè giữa hai nhóm hộ cũng rất khác biệt. Nhóm hộ tham gia dự án có thu nhập từ cây chè cao hơn rất nhiều so với nhóm đối chứng và nguyên nhân như chúng ta đã phân tích ở trên. Trồng hoa màu và chăn nuôi lợn ta thấy số lượng hộ không tham gia dự án tham gia nhiều hơn so với nhóm thuộc dự án và đạt được hiệu quả khả quan hơn. Chăn nuôi gia cầm ở hai nhóm hộ đều không thu được kết quả tốt. Điều đó nói lên rằng quy mô chăn nuôi gà, vịt của các hộ điều tra là rất nhỏ và không tạo ra được sản phẩm hàng hoá để bán lấy tiền mà chủ yếu là phục vụ nhu cầu của gia đình, tận dụng các nguồn thức ăn dư thừa trong sinh hoạt hàng ngày để chăn nuôi gia cầm. Có rất ít các hộ ở cả hai nhóm có và không tham gia dự án phát triển chăn nuôi trâu, bò. Điều đó có thể giải thích được như sau: Vấn đề mua trâu, bò giống là một khoản đầu tư khá lớn và cần nhiều tiền. Hơn thế nữa các công việc chuẩn bị đất cho sản xuất nông nghiệp, sức kéo chủ yếu được làm dịch vụ bởi

các hộ có máy cày, máy kéo nên vai trò cũng như nhu cầu sử dụng trâu, bò để làm đất cho sản xuất nông nghiệp là không nhiều như trước đây. Do đó, có rất ít các hộ thuộc cả hai nhóm có chăn nuôi trâu bò và hiệu quả kinh tế đem lại từ chăn nuôi trâu bò tại khu vực nghiên cứu là không hiệu quả. Đối với các hoạt động phi nông nghiệp, tỷ lệ số hộ thuộc nhóm tham gia dự án có xu hướng tham gia ngày càng nhiều lên. Thu nhập từ các ngành nghề tự do ngày càng đóng góp nhiều lên trong cơ cấu thu nhập của nhóm hộ tham gia dự án. Tại thời điểm điều tra, thu nhập từ các hoạt động nghề tự do chiếm tỷ trọng cao thứ 2 trong nhóm hộ tham gia dự án và xếp thứ 3 đối với nhóm không tham gia dự án, đó là điều rất đáng khích lệ bởi lẽ lực lượng tham gia vào các hoạt động nghề phải là những người có học thức, có trình độ chuyên môn nhất định. Đối với các hoạt động lâm nghiệp, số hộ gia đình thuộc cả hai nhóm tham gia khá nhiều. Kiểm định Mann-Whitney Test đối với cả doanh thu và chi phí từ rừng giữa hai nhóm hộ có và không tham gia dự án ta thấy kết quả kiểm định có sự khác biệt cả về doanh thu. Doanh thu từ rừng có sự khác biệt giữa hai nhóm hộ ở mức ý nghĩa thống kê theo kiểm định Mann-Whitney tại mức xác suất 99% và chi phí cho rừng có sự khác biệt giữa hai nhóm hộ ở mức ý nghĩa thống kê theo kiểm định Mann-Whitney tại mức xác suất 99%. Qua thực tế điều tra chúng tôi thấy được nhóm hộ tham gia dự án luôn tham gia nhiều hơn vào các công việc liên quan đến rừng so với nhóm hộ không tham gia dự án, đó là: Tham gia các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng cây phân tán, kỹ thuật bảo vệ rừng, chống cháy rừng, trồng cây gây rừng do dự án cung cấp cây giống.

**KẾT LUẬN**

Thông qua đánh giá so sánh thu nhập của hai nhóm hộ có và không tham gia dự án, ta nhận thấy có sự khác biệt giữa thu nhập từ cây lúa, cây chè, chăn nuôi lợn, nghề tự do giữa hai nhóm hộ. Các hộ tham gia dự án có thu nhập bình quân/năm cao hơn so với nhóm không tham gia dự án. Nguyên nhân là do được sự trợ giúp về vốn, tập huấn kỹ thuật nên năng suất và sản lượng cây lúa, cây chè cao hơn. Bên cạnh đó, dự án lồng ghép được các buổi tập huấn để thay đổi và nâng cao nhận thức

của người dân vùng đệm về tầm quan trọng của rừng đối với cuộc sống của chính họ và con cháu mai sau.

#### KIẾN NGHỊ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN HỖ TRỢ SINH KẾ:

##### **Nhóm giải pháp về cách thức triển khai các hoạt động có hiệu quả**

- Phải lựa chọn những hộ có kinh nghiệm, chịu khó, có mong muốn và quyết tâm thoát nghèo.
- Tập huấn kỹ lưỡng kỹ thuật chăn nuôi trước khi chuyển giao con giống.
- Thường xuyên cử cán bộ đến kiểm tra, trợ giúp khi cần thiết.
- Tập trung vào một số hộ có kiến thức chăn nuôi để thuận lợi cho việc quản lý và trợ giúp. Khi mô hình phát triển thành công sẽ áp dụng và nhân rộng cho các hộ khác học tập và làm theo. Như vậy sẽ tránh được tình trạng khi hộ nghèo được chọn ngay từ đầu để chăn nuôi và nếu không thành công (do các yếu tố chủ quan) sẽ lại hoàn nghèo đói.
- Nghiên cứu và lựa chọn cây, con giống phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương.

##### **Nhóm giải pháp tăng thu nhập cho người nghèo vùng đệm**

Đối với cây lúa, tuy có đóng góp khá lớn vào cơ cấu thu nhập của hộ song vì diện tích để thâm canh là có hạn nên cây lúa chỉ giúp bà con có thể đảm bảo lương thực mà thôi. Kết quả nghiên cứu cho thấy để có thể phát triển kinh tế và xoá đói giảm nghèo, nên tập trung thâm canh cây chè. Cây chè có tiềm năng để mở rộng diện tích trong khu vực vùng đệm, chu kỳ khai thác kéo dài. Thêm vào đó là thay đổi giống mới, cải tạo các nương chè già cỗi, thực hiện đúng quy trình chăm sóc, bảo vệ thực vật, thu hái và chế biến để tạo ra năng suất và chất lượng tốt, từ đó có thể tăng được giá bán và tăng thu nhập. Phát triển thêm các nghề phụ để tăng thu nhập trong lúc nông nhàn. Các nghề phụ như: thợ xây, hàn xì, sơn nội thất, công nhân... không đòi hỏi chi phí đầu tư mà lại có thể thu lợi ngay sau khi tham gia.

##### **Các kiến nghị**

- Chính quyền tỉnh cần có các giải pháp để tạo ra thị trường đầu ra ổn định để thu hút

người dân tham gia vào sản xuất. Ví dụ như cây chè Thái Nguyên vốn đã tự có được thương hiệu rất tốt, tuy nhiên việc khai thác và sử dụng thương hiệu “Chè Thái Nguyên” còn không đúng với ý nghĩa và giá trị kinh tế của nó. Nên tổ chức sản xuất và phân phối tiêu thụ sản phẩm chè thành hiệp hội để thuận lợi trong việc quản lý, hoạch định chính sách phát triển, cạnh tranh để tạo ra hiệu quả kinh tế cao.

- Cần tập trung nguồn lực của Trung Ương hỗ trợ cho các huyện nghèo vùng đệm Vườn Quốc gia Tam Đảo, đặc biệt là về cơ sở hạ tầng thiết yếu và các điều kiện cần thiết để phát triển sản xuất và các dịch vụ cơ bản khác.

- Nâng cao năng lực tiếp cận và sử dụng các nguồn lực (tài chính, vật chất, tự nhiên) của nông dân các huyện vùng đệm tạo cho họ tính làm chủ vươn lên thoát nghèo và giúp cho cuộc sống của họ trở nên tốt hơn thông qua các dự án phát triển cộng đồng

- Xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo ở từng huyện, từng xã cho phù hợp với điều kiện địa lý, phong tục tập quán và trình độ phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương, phát huy được lợi thế so sánh về nguồn lực, chi phí sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, huy động được sự tham gia đồng đảo của người dân, đặc biệt là nhóm hộ nghèo, giúp họ tạo thêm thu nhập và giảm nghèo, chú trọng phát huy nguồn lực của cộng đồng.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban quản lý VQG Tam Đảo và vùng đệm km13 xã Hồ Sơn - Huyện Tam Đảo - Tỉnh Vĩnh Phúc.
- [2]. Lê Văn Huy (2007). Hướng dẫn sử dụng SPSS trong nghiên cứu marketing. – Đại học Kinh tế Đà Nẵng.
- [3]. Rural Household Economics Baseline Survey (2005) – Tam Dao National Park and Buffer Zone Management Project.  
*Strategic Environmental Assessment of Tam Dao National Park and Buffer Zone Management Project (2007).*

## SUMMARY

**SOLUTIONS TO HUNGER ALIMINATION AND POVERTY REDUCTION FOR PEOPLE IN THE BUFFER ZONE OF TAM DAO NATIONAL PARK, THAI NGUYEN PROVINCE****Nguyen Thi Gam\****Economics and Business Administration - Thai Nguyen University*

The main objective of the research aims at improving living conditions of the households in the buffer zones in Tam Dao National Park through identifying new livelihood methods, planning an effective use of the available resources to improve the household incomes. The research findings show that there are differences between project-participating households and non – project - participating housesholds in incomes from tea, paddy rice, pig breeding and non agricultural activities. Those households which participate in the project have annual incomes higher than those do not participate in the project. The reasons behind this are that thanks to trainings and capitals supported by the project, productivity and yield of tea and paddy rice are higher. In addition, thanks to awareness of forest importance to their life and future generation is changed and improved. Based on the research findings some recommendations are forwarded.

---

\* Nguyen Thi Gam, Tel: